GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 15 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000681

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 15/09/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 25/09/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0871	Khí Argon / Argon	40L-150Bar	Chai/Bottle	Phục vụ PXSC / Repair shop service	13.00	0	13	0	13.00	
Cộng/ToTal						**13.00**	**0**	**13**		**13**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000684

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Phạm Thị Tuyết Mai	Ngày đề nghị: Request Date: 28/09/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 28/09/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư / Equipments ☐	Phụ tùng / Accessories ☐	Công cụ dụng cụ / Tools ☐	Dịch vụ / Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : / Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : / Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao / Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0916	Keo Silicon / Silicon sealant	A500	Lọ/Bottle	Phục vụ PXSC/repair shop service	150.00	0	150	14	150.00	
2	1601.02.0044	Băng dính trắng / White tape	Độ rộng 4,5cm	Cuộn/Roll	Phục vụ PXSC/repair shop service	10.00	0	10	0	10.00	
3	1201.02.0422	Keo con chó / Dog silicone	X-66	Lọ/Bollte	Phục vụ PXSC/repair shop service	10.00	0	10	0	10.00	100ml
4	1201.02.1458	Giấy ráp vải / Cloth sandpaper		M	Phục vụ PXSC/repair shop service	30.00	0	30	0	30.00	
5	1201.02.0970	Vải lau trắng / White cloth	khổ rộng 85cm	M	Phục vụ PXSC/repair shop service	10.00	0	10	0	10.00	
6	1601.02.0065	Lưỡi dao dọc giấy / Paper knife blade		Hộp/Box	Phục vụ PXSC/repair shop service	20.00	0	20	0	20.00	
Cộng/ToTal						**230.00**	**0**	**230**		**230**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000685

Tên phòng ban: Department	Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Trần Văn Tám	Ngày đề nghị: 28/09/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 28/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form		Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1201.02.0208	Kiềm NaOH / Lye, Sodium hydroxyt	Nồng độ ≥ 31%, không lẫn tạp chất	Kg	xử lý nước	20 000.00	0	20 000	19 818	20 000.00	
2	1201.02.0023	Axit Clohydric / Clohydric Acid	HCL ≥31%, màu vàng trong, không lẫn tạp chất	Kg	xử lý nước	10 000.00	0	10 000	18 520	10 000.00	
3	1201.02.0454	Dung dịch điện giải / Electrolyte solution	Karl fischer	Lít	Phân tích dầu	3.00	0	3	1	3.00	
4	1201.02.1412	Para-Dimethyl Amino Benzaldehyed	C9H11NO, AR	Kg	phân tích nước	5.00	0	5	0	5.00	
5	1201.02.0225	Hydroxyl Ammoniumchloride (NH3O.HCl)	AR, 100g/lọ	kg	phân tích nước	1.00	0	1	0	1.00	
6	1201.02.0192	Dung dịch Amoniac / Ammoniac solution	(NH4OH 25- 27%) , 500 ml / chai	lít	phân tích nước	5.00	0	5	2	5.00	
Cộng/ToTal						**30 014.00**	**0**	**30 014**		**30 014**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 29 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000687

Tên phòng ban: Phân xưởng sản xuất (vận hành) Department	Người đề nghị: Nguyễn Đức Tưởng	Ngày đề nghị: 29/09/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 29/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1401.01.0846	Mô đun thông tin PLC / PLC Communication Module	Model: 6ES7153-2BA10-0XB0; IM 153 -2	Cái/Pcs	Thay thế cho hệ thống PLC Nhà máy	1.00	1	0	0	1.00	
2	1401.01.0847	Thẻ nhớ PLC / PLC Memory Card	Model:6ES7953-8LL31-0AA0; SIMATIC S7, Micro Memory Card P. S 7-300/C7/ET 200, 3, 3V Nflash, 2 MB	Cái/Pcs	Thay thế cho hệ thống PLC Nhà máy	5.00	2	3	0	5.00	
Cộng/ToTal						**6.00**	**3**	**3**		**6**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 28 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000689

Tên phòng ban: Department	Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: trần văn thái	Ngày đề nghị: 28/09/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 29/09/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form		Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1802.02.0107	Dịch vụ vệ sinh thiết bị theo sự vụ		Lần	xả tro bay bị vón cục trong bộ hâm	1.00	1	0	0	1.00	xả tro bay bị vón cục trong bộ hâm/discharge of fly ash clumpe in hopper of eco
Cộng/ToTal						**1.00**	**1**	**0**		**1**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 29 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000691

Tên phòng ban: Department: Phòng quản lý kho	Người đề nghị: P.T.Công	Ngày đề nghị: Request Date: 29/09/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 10/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1101.01.1224	Máy lọc nước / Water purifier	Model: BCN KT - KB 50 + BA	Bộ/Set	Phục vụ nước uống cho NV ngoài cảng	2.00	2	0	2	2.00	
2	1101.02.1345	Ghế nhựa / Plastic chair	25x28x18cm	Cái/Pcs	Phục vụ công việc nghiệm thu hàng hóa	10.00	5	5	0	10.00	
Cộng/ToTal						**12.00**	**7**	**5**		**12**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 29 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000692

Tên phòng ban: Phân xưởng sửa chữa Department	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: 29/09/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 29/10/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Vật tư ☐ Products type : Equipments	Phụ tùng ☐ Accessories	Công cụ dụng cụ ☐ Tools	Dịch vụ ☐ Service
Lý do mua sắm: Sửa chữa sự cố : ☐ Order reason Troubleshooting	Phụ tùng dự phòng : ☐ Spare accessories :	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao ☐ Attrition :
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ ☐ Approved plan		Phát sinh ngoài kế hoạch / ☐ Accured out of plan

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0202.01.0133	Thép ray / Steel rail	P18 (80x40x90x10mm)	M	Ray dẫn hướng xích băng tải ngang thải xỉ lò 1, 2/ Chain guide rail Chain conveyor	400.00	0	400	0	400.00	
2	0201.01.0051	Thép ray vuông / Steel rail square	65Mn; 40x40x2000mm	M	Ray dẫn hướng xích máy cấp than/Chain guide rail coal feeder	280.00	0	280	0	280.00	
3	1401.02.0609	Bu lông chữ U / Bolt U	Inox 304; M10; Ống DN15	Bộ/Set	Dùng chung các vị trí/Shared	40.00	0	40	0	40.00	
4	1401.02.0610	Bu lông chữ U / Bolt U	Inox 304; M10; Ống DN20	Bộ/Set	Dùng chung các vị trí/Shared	40.00	0	40	0	40.00	
5	1401.02.0611	Bu lông chữ U / Bolt U	Inox 304; M12; Ống DN25	Bộ/Set	Dùng chung các vị trí/Shared	40.00	0	40	0	40.00	
6	1401.02.0612	Bu lông chữ U / Bolt U	Inox 304; M12; Ống DN32	Bộ/Set	Dùng chung các vị trí/Shared	200.00	0	200	0	200.00	
7	1401.02.0613	Bu lông chữ U / Bolt U	Inox 304; M12; Ống DN40	Bộ/Set	Dùng chung các vị trí/Shared	100.00	0	100	0	100.00	
8	1401.02.0614	Bu lông chữ U / Bolt U	Inox 304; M12; Ống DN50	Bộ/Set	Dùng chung các vị trí/Shared	100.00	0	100	0	100.00	
9	1401.02.0615	Bu lông chữ U / Bolt U	Inox 304; M12; Ống DN65	Bộ/Set	Dùng chung các vị trí/Shared	100.00	0	100	0	100.00	

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
10	1401.02.0616	Đai ốc / Nut	Nut M12 DIN 934; Grade 8.8	Cái/Pcs	Dùng chung các vị trí/Shared	1 000.00	0	1 000	0	1 000.00	
11	1401.02.0617	Bu lông / Bolt	Bolt M12x30 DIN 93; Grade 8.8	Cái/Pcs	Dùng chung các vị trí/Shared	1 000.00	0	1 000	0	1 000.00	
12	1401.02.0618	Vòng đệm phẳng / Flat washers	Washer A13 DIN 125	Cái/Pcs	Dùng chung các vị trí/Shared	1 000.00	0	1 000	0	1 000.00	
13	1201.02.1459	Tấm nhựa / Plastic plates	Teflon; 1000x1000x10mm	Cái/Pcs	Máy cấp than trọng lực/ Gravity coal feeder	2.00	0	2	0	2.00	
14	1201.02.1460	Cây nhựa trụ tròn / Round cylindrical plastic tree	Teflon; Ø50mm	M	Dùng chung các vị trí/Shared	2.00	0	2	0	2.00	
15	1401.01.0848	Ống thép / Steel pipe	DN32 - SCH10 - SUS304	M	Giá đỡ vòi thổi bụi/ Shelf Sootblowing	120.00	0	120	0	120.00	
16	1401.01.0850	Ống thép/ Steel pipe	DN25 - SCH10 - SUS304	M	Dùng chung các vị trí/Shared	30.00	0	30	0	30.00	
17	1401.01.0851	Ống thép/ Steel pipe	DN20 - SCH10 - SUS304	M	Dùng chung các vị trí/Shared	30.00	0	30	0	30.00	
Cộng/ToTal						**4 484.00**	**0**	**4 484**		**4 484**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 30 tháng 9 năm 2020

Số: DN2000693

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: trần văn thái	Ngày đề nghị: Request Date: 30/09/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 30/09/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	0104.02.0001	Đá vôi / Limestone	2x4	Tấn/Ton	phục vụ sản xuất/ user for power production	10 000.00	0	10 000	5 361	10 000.00	user for power production
Cộng/ToTal						**10 000.00**	**0**	**10 000**		**10 000**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 1 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000700

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Nguyễn Xuân Trường	Ngày đề nghị: Request Date: 01/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 01/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1802.02.0179	Dịch vụ sửa chữa màng van khí nén / Pneumatic valve membrane repair service		Cái/Psc	Van xả sụ cố bao hơi lò 2/Drum emergency drain water pneumatic valve	1.00	0	1	0	1.00	Cần gấp(vá chín, vá 2 lớp)/I need it now(Patch nine, patch 2 layers)
Cộng/ToTal						**1.00**	**0**	**1**		**1**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 2 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000701

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Chu Thành Chung	Ngày đề nghị: Request Date: 02/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 02/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1902.02.0006	Dịch vụ kiểm định bình chứa clo / Chlorine tank inspection service		Lần/Times		1.00	1	0	0	1.00	Kiểm định 18 bình clo/18 bottles of chlorine should be tested.
Cộng/ToTal						**1.00**	**1**	**0**		**1**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 5 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000708

Tên phòng ban: Department: Phân xưởng sửa chữa	Người đề nghị: Đồng Văn Đủ	Ngày đề nghị: Request Date: 05/10/2020	Ngày cần hàng: Receive date: 08/10/2020
Loại hàng hóa: Products type : Vật tư / Equipments ☐	Phụ tùng / Accessories ☐	Công cụ dụng cụ / Tools ☐	Dịch vụ / Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason: Sửa chữa sự cố : / Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : / Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao / Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form	Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1004.01.0061	Vòng bi chữ thập / Universal joint spider assembly	Ø38x105	Cái/Pcs	Sửa chữa xúc đào Doosan	2.00	0	2	0	2.00	Cần gấp
2	1004.02.0014	Ống thủy lực / Hose assembly	Ø16x1150, ép cos hai đầu M16	Cái/Pcs	Sửa chữa xúc đào Doosan	2.00	0	2	0	2.00	Cần gấp
3	1201.02.1461	Phớt chắn dầu / Oil seal	AS 80x110x11, FPM	Cái/Pcs	Sửa chữa xúc đào Doosan	2.00	0	2	0	2.00	Cần gấp
Cộng/ToTal						**6.00**	**0**	**6**		**6**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent

GELEXIMCO

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN THĂNG LONG

BM-02-10

ĐỀ NGHỊ MUA HÀNG/ Purchase requisition

Ngày 5 tháng 10 năm 2020

Số: DN2000710

Tên phòng ban: Department	Phân xưởng sản xuất (vận hành)	Người đề nghị: Nguyễn Đức Tưởng	Ngày đề nghị: 05/10/2020 Request Date	Ngày cần hàng: 05/10/2020 Receive date
Loại hàng hóa: Products type :	Vật tư Equipments ☐	Phụ tùng Accessories ☐	Công cụ dụng cụ Tools ☐	Dịch vụ Service ☐
Lý do mua sắm: Order reason	Sửa chữa sự cố : Troubleshooting ☐	Phụ tùng dự phòng : Spare accessories : ☐	Đầu tư bổ sung ☐	Tiêu hao Attrition : ☐
Hình thức mua sắm: Purchase Form		Theo kế hoạch đã duyệt/ Approved plan ☐		Phát sinh ngoài kế hoạch / Accured out of plan ☐

TT/ No.	Mã vật tư, hàng hóa/ Product code	Tên vật tư, hàng hóa/ Product name	Quy cách/thông số kỹ thuật, hãng sản xuất, xuất xứ /Item/Description	Đơn vị tính / Unit	Vị trí/Mục đích sử dụng/ Location/ Using purpose	Đề nghị mua			Tồn kho/ In Stock	Duyệt mua/ Approval	Ghi chú/ Notes
						Số lượng mua/ Quantity order	Sử dụng ngay/Using immediately	Dự phòng/ Back up			
1	1802.02.0092	Dịch vụ sửa chữa hệ thống camera an ninh		Lần	Sửa chữa hệ thống đang bị sự cố, đảm bảo an ninh cho Nhà máy	1.00	1	0	0	1.00	Nội dung sửa chữa chi tiết xem file đính kèm
Cộng/ToTal						**1.00**	**1**	**0**		**1**	

B.GDSX / Board of Production Director.	Phòng QLK / Stock Management Dept.		Bộ phận đề nghị/ Propesed Dept.	
	Trưởng phòng / Manager	NV thống kê/ Statistician	TBP đề nghị/ Team Leader	Người đề nghị/ Proponent